

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền
giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND cấp huyện
trên địa bàn thành phố Hà Nội**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5562/TTr-STNMT-PC ngày 03/10/2014 và Tờ trình bổ sung số 6744/TTr-STNMT-PC ngày 18/11/2014 và ý kiến của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 11 thủ tục hành chính ban hành mới; 42 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 04 thủ tục hành chính hủy bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội và 01 thủ tục hành chính ban hành mới; 24 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, Bộ Tư pháp;
- Thường trực: TU, HĐND TP;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các PCT UBND TP;
- Website Chính phủ;
- VPUBTP: CVP, các PCVP, NC, VX, TH, HCTC;
- Trung tâm Tin học Công báo TP;
- Công giao tiếp Điện tử Hà Nội;
- Lưu: VT, STNMT.

32345- 130



PHỤ LỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI
NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VÀ UBND CẤP HUYỆN TRÊN
ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1017./QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2014 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)



PHẠM VI DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội.

1. Thủ tục hành chính ban hành mới.

STT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Căn cứ pháp lý
1		Thủ tục 1: Thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất, thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 11 Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
2		Thủ tục 2: Đăng ký đất đai, tài sản khác gắn liền với đất.	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 8 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
3		Thủ tục 3: Công nhận quyền sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp tổ chức sử dụng đất có nguồn gốc là đất do UBND cấp huyện cấp cho hộ gia đình, cá nhân thuê đất, giao đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp.	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 12 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.

4		Thủ tục 4: Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở (áp dụng với đối tượng nhận chuyển nhượng là tổ chức).	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 18 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
5		Thủ tục 5: Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho cá nhân nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở (áp dụng với đối tượng nhận chuyển nhượng là cá nhân).	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 32 Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố Hà Nội.
6		Thủ tục 6: Xác nhận đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 40 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
7		Thủ tục 7: Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 41 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
8		Thủ tục 8: Góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê trả tiền hàng năm.	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 27 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
9		Thủ tục 9: Cấp lại giấy phép tài nguyên nước thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố Hà Nội.	Tài nguyên nước & KTTV	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 27, Điều 28, Điều 29 và Điều 34 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2014

					của Chính phủ.
10		Thủ tục 10: Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố Hà Nội.	Tài nguyên nước & KTTV	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 27, Điều 28, Điều 29 và Điều 34 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2014 của Chính phủ.
11		Thủ tục 11: Chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố Hà Nội.	Tài nguyên nước & KTTV	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2014 của Chính phủ.

2. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung.

STT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Căn cứ pháp lý
1	T-HNO-117578-TT	Thủ tục 1: Thủ tục thu hồi đất thuộc thẩm quyền UBND Thành phố.	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 14 Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
2	T-HNO-136229-TT	Thủ tục 2: Thủ tục giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp sử dụng đất vào mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (chủ đầu tư đã được xác định trước khi thực hiện thu hồi đất).	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 15 Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
3	T-HNO-196592-TT	Thủ tục 3: Thủ tục giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp được giao đất, cho thuê đất đã được giải phóng mặt bằng (hoặc không phải giải phóng mặt bằng) thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 17 Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
4	T-HNO-136247-	Thủ tục 4: Thủ tục cho phép chuyển mục đích sử	Đất đai	Sở Tài nguyên và	Điều 18, Điều 19 Quyết định số

	TT	dụng đất.		Môi trường	21/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
5	T-HNO-136248-TT	Thủ tục 5: Thủ tục thu hồi đất của tổ chức (được giao đất không thu tiền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc thuê đất trả tiền hàng năm) bị giải thể, phá sản, chuyển đi nơi khác, giảm hoặc không còn nhu cầu sử dụng đất hoặc tự nguyện trả lại đất hoặc hết hạn sử dụng đất nhưng không được gia hạn.	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
6		Thủ tục 6: Thủ tục công nhận, cấp Giấy chứng nhận cho trường hợp đang sử dụng đất mà chưa có quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc đã có quyết định giao đất, cho thuê đất trước ngày 01/7/2014 nhưng người sử dụng đất, diện tích, hình dạng thửa đất đã thay đổi.	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 11 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
7		Thủ tục 7: Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức được Nhà nước quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất mà không có biến động về sử dụng đất.	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 13 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
8		Thủ tục 8: Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho người được Ban quản lý khu công nghệ cao giao đất, cho thuê đất trong khu	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 14 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.

		công nghệ cao.			
9		Thủ tục 9: Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc thuê đất hoặc thuê lại đất gắn với kết cấu hạ tầng của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân nước ngoài đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề.	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 15 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
10		Thủ tục 10: Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trúng đấu giá quyền sử dụng đất, trúng đấu thầu dự án có sử dụng đất, trúng đấu giá quyền thuê đất (trong đó đất đưa ra đấu giá, đấu thầu đã được giải phóng mặt bằng và đã xây dựng hạ tầng kỹ thuật).	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 16 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
11		Thủ tục 11: Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu tài sản không đồng thời là người có quyền sử dụng đất; đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận.	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 17 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.

12		Thủ tục 12: Thủ tục thực hiện tách thửa hoặc hợp thửa.	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 22 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
13		Thủ tục 13: Thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp trúng đấu giá quyền sử dụng đất; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên bán đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức, chuyển đổi công ty.	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 23 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
14		Thủ tục 14: Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cho trường hợp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (đối với đất đủ điều kiện chuyển nhượng).	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 24 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
15		Thủ tục 15: Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cho trường hợp nhận chuyển quyền sử dụng toàn bộ hoặc một phần thửa đất và tài sản gắn liền với đất bằng hình thức tặng cho (đối với đất đủ điều kiện tặng cho).	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 25 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
16		Thủ tục 16: Thủ tục đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 26 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.

17		Thủ tục 17: Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cho trường hợp nhận mua bán tài sản gắn liền với đất thuê trả tiền hàng năm, đất thuê lại (trong khu công nghiệp).	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 28 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
18		Thủ tục 18: Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cho trường hợp nhận chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định của pháp luật.	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 29 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
19		Thủ tục 19: Thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi địa giới hành chính; thay đổi diện tích đo đạc lại; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất (diện tích xây dựng, diện tích sử dụng, tầng cao, kết cấu, cấp (hạng) nhà, công trình xây dựng) so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận.	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 30 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
20		Thủ tục 20: Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cho trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản được phép đổi tên.	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 31 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
21		Thủ tục 21: Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cho	Đất đai	Sở Tài nguyên và	Điều 32 Quyết định số 25/2014/QĐ-

		trường hợp thay đổi công năng sử dụng tài sản gắn liền với đất.		Môi trường	UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
22		Thủ tục 22: Thủ tục xác nhận thay đổi cho trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất.	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 33 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
23		Thủ tục 23: Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cho trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp bị ố, nhòe, rách, hư hỏng.	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 34 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
24		Thủ tục 24: Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận bị mất.	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 35 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
25		Thủ tục 25: Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cho trường hợp có nhu cầu đổi Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng hoặc các loại Giấy chứng nhận đã cấp trước ngày 10 tháng 12 năm 2009 sang loại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 36 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
26		Thủ tục 26: Thủ tục đăng ký thế chấp, xóa đăng ký	Đất đai	Sở Tài nguyên và	Điều 37 Quyết định số 25/2014/QĐ-

		thể chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất hoặc thể chấp bằng tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất thuê phù hợp với pháp luật.		Môi trường	UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
27		Thủ tục 27: Thủ tục xóa đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 38 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
28		Thủ tục 28: Thủ tục xác nhận thay đổi cho trường hợp gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao.	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 39 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
29		Thủ tục 29: Thủ tục xác nhận thay đổi cho trường hợp đính chính nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đã cấp có sai sót.	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 42 Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
30		Thủ tục 30: Phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.	Khoáng sản	Sở Tài nguyên và Môi trường	Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
31		Thủ tục 31: Thẩm định sản phẩm Đo đạc và Bản đồ.	Đo đạc và bản đồ	Sở Tài nguyên và Môi trường	Luật Đất đai 2013; Quyết định số 54/2010/QĐ-UBND ngày 19/11/2010 và số 45/2013/QĐ-UBND ngày 17/10/2013 của UBND Thành phố.
32	T-HNO-	Thủ tục 32: Thẩm định Hồ	Đo đạc	Sở Tài	Quyết định số

	111942-TT-101	sơ cấp Giấy phép hoạt động Đo đạc và Bản đồ (bao gồm: cấp mới Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ và bổ sung Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ).	và bản đồ	nguyên và Môi trường	54/2010/QĐ-UBND ngày 19/11/2010 và số 45/2013/QĐ-UBND ngày 17/10/2013 của UBND Thành phố.
33		Thủ tục 33: Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3000m ³ /ngày đêm.	Tài nguyên nước &KTT V	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 14, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 28, Điều 29 và Điều 30 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2014 của Chính phủ.
34		Thủ tục 34: Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3000m ³ /ngày đêm.	Tài nguyên nước &KTT V	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 16, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 28, Điều 29 và Điều 31 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2014 của Chính phủ.
35		Thủ tục 35: Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; để phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm.	Tài nguyên nước &KTT V	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 16, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 28, Điều 29 và Điều 32 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2014 của Chính phủ.
36		Thủ tục 36: Cấp giấy phép xả nước thải với lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; xả nước thải với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động khác.	Tài nguyên nước &KTT V	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 16, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 28, Điều 29 và Điều 33 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2014 của Chính phủ.
37		Thủ tục 37: Cấp giấy phép	Tài	Sở Tài	Điều 36 Luật Tài

		hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ.	nguyên nước &KTT V	nguyên và Môi trường	nguyên nước số số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012.
38		Thủ tục 38: Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3000m ³ /ngày đêm.	Tài nguyên nước &KTT V	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 16, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 28, Điều 29 và Điều 30 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2014 của Chính phủ.
39		Thủ tục 39: Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3000m ³ /ngày đêm.	Tài nguyên nước &KTT V	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 16, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 28, Điều 29 và Điều 31 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2014 của Chính phủ.
40		Thủ tục 40: Gia hạn, điều chỉnh Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây, để phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw cho các mục đích khác với dưới 50.000m ³ /ngày đêm.	Tài nguyên nước &KTT V	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 16, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 28, Điều 29 và Điều 32 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2014 của Chính phủ.
41		Thủ tục 41: Gia hạn, điều chỉnh giấy phép xả nước thải với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; xả nước thải với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác.	Tài nguyên nước &KTT V	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 16, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 28, Điều 29 và Điều 33 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2014 của Chính phủ.

42		Thủ tục 42: Gia hạn, điều chỉnh Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ.	Tài nguyên nước &KTT V	Sở Tài nguyên và Môi trường	Điều 36 Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6 /2012.
----	--	--	------------------------	-----------------------------	---

3. Thủ tục hành chính hủy bỏ.

STT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Căn cứ pháp lý
1	T-HNO-150443-TT	Thủ tục 1: Xác nhận thay đổi cho trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không phải xin phép.	Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
2	T-HNO-112095-TT106	Thủ tục 2: Thẩm định hồ sơ quyết toán công trình sản phẩm Đo đạc và Bản đồ.	Đo đạc và bản đồ	Sở Tài nguyên và Môi trường	Luật Đất đai 2013; Quyết định số 54/2010/QĐ-UBND ngày 19/11/2010 và số 45/2013/QĐ-UBND ngày 17/10/2013 của UBND Thành phố.
3	T-HNO-112082-TT-102	Thủ tục 3: Bổ sung nội dung Giấy phép hoạt động Đo đạc và Bản đồ.	Đo đạc và bản đồ	Sở Tài nguyên và Môi trường	Luật Đất đai 2013; Quyết định số 54/2010/QĐ-UBND ngày 19/11/2010 và số 45/2013/QĐ-UBND ngày 17/10/2013 của UBND Thành phố.
4	T-HNO-112091-TT-105	Thủ tục 4: Thẩm định hồ sơ nghiệm thu công trình, sản phẩm Đo đạc và Bản đồ.	Đo đạc và bản đồ	Sở Tài nguyên và Môi trường	Luật Đất đai 2013; Quyết định số 54/2010/QĐ-UBND ngày 19/11/2010 và số 45/2013/QĐ-UBND ngày 17/10/2013 của UBND Thành phố.

II. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện:

1. Thủ tục hành chính mới ban hành.

STT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Căn cứ pháp lý
1		Thủ tục 1: Thủ tục kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu bản đồ.	Đo đạc và bản đồ	UBND cấp huyện	Luật Đất đai 2013; Quyết định số 54/2010/QĐ-UBND ngày 19/11/2010 và số 45/2013/QĐ-UBND ngày 17/10/2013 của UBND Thành phố.

2. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung.

STT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Căn cứ pháp lý
1	T-HNO-134120-TT	Thủ tục 1: Thủ tục thu hồi đất thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện.	Đất đai	UBND cấp huyện	Điều 13 Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
2		Thủ tục 2: Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất.	Đất đai	UBND cấp huyện	Điều 29 Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
3		Thủ tục 3: Cấp Giấy chứng nhận lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất.	Đất đai	UBND cấp huyện	Điều 11 Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
4		Thủ tục 4: Cấp Giấy chứng nhận cho người mua nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước theo Nghị định số	Đất đai	UBND cấp huyện	Điều 31 Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của

		34/2013/NĐ-CP.			UBND Thành phố.
5		Thủ tục 5: Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho người mua nhà ở tái định cư là hộ gia đình, cá nhân.	Đất đai	UBND cấp huyện	Điều 33 Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
6		Thủ tục 6: Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà chung cư mini do cá nhân, hộ gia đình đầu tư xây dựng.	Đất đai	UBND cấp huyện	Điều 34 Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
7		Thủ tục 7: Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà chưa được cấp Giấy chứng nhận.	Đất đai	UBND cấp huyện	Điều 41 Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
8		Thủ tục 8: Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà đã được cấp Giấy chứng nhận.	Đất đai	UBND cấp huyện	Điều 42 Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
9		Thủ tục 9: Hộ gia đình, cá nhân chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất.	Đất đai	UBND cấp huyện	Điều 69 Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
10		Thủ tục 10: Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện “dồn điền đổi thửa” đất nông nghiệp.	Đất đai	UBND cấp huyện	Điều 63 Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
11		Thủ tục 11: Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân mà không thuộc	Đất đai	UBND cấp huyện	Điều 64 Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của

		trường hợp “dồn điền đổi thửa”; chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, kế thừa, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng.			UBND Thành phố.
12		Thủ tục 12: Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân.	Đất đai	UBND cấp huyện	Điều 65 Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
13		Thủ tục 13: Cấp Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trước ngày 01/7/2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định.	Đất đai	UBND cấp huyện	Điều 66 Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
14		Thủ tục 14: Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn	Đất đai	UBND cấp huyện	Điều 67 Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.

		liên với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất.			
15		Thủ tục 15: Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận.	Đất đai	UBND cấp huyện	Điều 68 Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
16		Thủ tục 16: Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề đối với hộ gia đình, cá nhân.	Đất đai	UBND cấp huyện	Điều 70 Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
17		Thủ tục 17: Gia hạn sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.	Đất đai	UBND cấp huyện	Điều 71 Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
18		Thủ tục 18: Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu.	Đất đai	UBND cấp huyện	Điều 72 Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
19		Thủ tục 19: Tách thửa hoặc hợp thửa đất cho hộ gia đình, cá nhân.	Đất đai	UBND cấp huyện	Điều 73 Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày

					20/6/2014 của UBND Thành phố.
20		Thủ tục 20: Thủ tục xác nhận thay đổi cho hộ gia đình, cá nhân đăng ký thể chấp, đăng ký thay đổi nội dung thể chấp đã đăng ký, xóa đăng ký thể chấp, sửa chữa sai sót nội dung đăng ký thể chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.	Đất đai	UBND cấp huyện	Điều 42 Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
21		Thủ tục 21: Thủ tục thực hiện xác nhận thay đổi cho trường hợp đăng ký thể chấp, đăng ký thay đổi nội dung thể chấp đã đăng ký, xóa đăng ký thể chấp, sửa chữa sai sót nội dung đăng ký thể chấp bằng nhà ở hình thành trong tương lai.	Đất đai	UBND cấp huyện	Điều 74 Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
22		Thủ tục 22: Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân.	Đất đai	UBND cấp huyện	Điều 76 Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
23		Thủ tục 23: Thủ tục cấp Giấy chứng nhận do bị mất cho hộ gia đình, cá nhân.	Đất đai	UBND cấp huyện	Điều 77 Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.
24		Thủ tục 24: Thủ tục đính chính Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân.	Đất đai	UBND cấp huyện	Điều 78 Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố.

100 H A